TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGHĨA HƯNG** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2023/HS-ST
Ngày: 19 - 9 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HƯNG TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Trọng Ích.

Các hội thẩm nhân dân:

1.Bà Dương Thị Vui.

2. Ông Lê Đức Chạc.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Vũ Quang Hải - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 51/2023/TLST - HS ngày 25 tháng 8 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2023/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 9 năm 2023 đối với:

* Bị cáo: **Bùi Thị T** - Sinh năm 1960 tại tỉnh Nam Định. Giới tính: Nữ. Nơi cư trú: thôn P, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 10/10; con ông Bùi Công Đ, sinh năm 1932 và bà Vũ Thị M, sinh năm 1932; gia đình có 08 anh em, bị cáo là thứ ba; có chồng là Vũ Văn L, sinh năm 1959, hiện đang làm ruộng tại xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; có 04 con, lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 1988. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo Bùi Thị T được áp dụng biện pháp "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 11/5/2023 cho đến nay; có mặt.

* Nguyên đơn dân sự: Ngân hàng C1. Đại diện theo uỷ quyền là bà Phạm Thị H, chức vụ: Phó Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C1. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thị trấn L, huyện N, tỉnh Nam Định.

* Người làm chứng:

1. Ông Vũ Văn T1, sinh năm 1955;

2. Bà Vũ Thị H1, sinh năm 1964;

3. Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1993; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 22/5/2013, bà Bùi Thị T được Ủy ban nhân dân xã N phê duyệt làm tổ trưởng Tổ Tiết kiệm và vay vốn (gọi tắt là tổ TK&VV) thôn P, xã N. Ngày 01/01/2015, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C1 (gọi tắt là Ngân hàng C2) đã ký hợp đồng ủy nhiệm cho bà Bùi Thị T về việc thu lãi, thu tiền gửi và thực hiện một số nội dung công việc khác trong quy trình cho vay của Ngân hàng C2.

Năm 2017, Ngân hàng C2 triển khai gói tín dụng nước sạch, vệ sinh môi trường cho những gia đình chưa có công trình vệ sinh, nước sạch trên địa bàn huyện. Bà Bùi Thị T chủ trì họp tổ tiết kiệm vay vốn, bình xét hộ bà Phạm Thị S, sinh năm 1970, ở cùng thôn, đủ điều kiện vay vốn, mục đích xây bể nước mưa và nhà vệ sinh, số tiền vay là 12.000.000 đồng, lãi suất 0,75%/tháng, thời hạn cho vay 60 tháng, hạn trả nợ cuối cùng của gói vay này là 09/8/2022. Ngày 25/7/2017, bà T liên hệ với Hội Phụ nữ xã N lấy hồ sơ, hướng dẫn bà S kê khai, làm thủ tục vay vốn. Hồ sơ gồm: Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay và Giấy ủy quyền. Theo quy định của Ngân hàng tất cả các thành viên trong hộ gia đình từ đủ 18 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự đều phải ký vào mục bên ủy quyền để ủy quyền cho một thành viên trong gia đình vay vốn; mục đích để các thành viên có tên, ký xác nhận cam kết chịu trách nhiệm đối với các khoản vay của hộ gia đình tại Ngân hàng C2. Năm 2017 hộ bà S có 2 thành viên là bà S và anh Nguyễn Văn T2 là con trai bà S. Tuy nhiên, thời điểm thiết lập Giấy ủy quyền, anh T2 đang làm ăn xa, không có mặt tại địa phương nên bà S nhờ bà T ký thay anh T2 vào giấy ủy quyền để giấy ủy quyền được hợp lệ. Do nể nang mối quan hệ hàng xóm, thương hoàn cảnh của bà S nên bà T đã ký, để hồ sơ vay vốn đủ điều kiện xét duyệt. Ngày 09/8/2017, Phòng C2 giải ngân cho bà S vay số tiền 12.000.000 đồng, việc sử dụng vốn vay đúng mục đích.

Năm 2020, Ngân hàng C2 triển khai gói tín dụng xóa đói giảm nghèo cho những hộ cận nghèo trên địa bàn huyện. Quá trình họp bình xét tại tổ T thôn P, xã N, hộ gia đình bà S đủ điều kiện vay vốn, mục đích: cải tạo ao nuôi cá, tôm, số tiền vay 70.000.000 đồng, lãi suất 7,920%/năm, thời hạn cho vay 36 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 09/3/2023. Hồ sơ cũng giống như hồ sơ vay vốn năm 2017. Ngày 28/02/2020, bà T tiếp tục hướng dẫn bà S kê khai, làm thủ tục vay vốn. Thời điểm vay này, hộ bà S không có thay đổi các thành viên trong gia đình nên theo quy định của Ngân hàng lần vay vốn này không cần thiết lập lại giấy ủy quyền mà sử dụng luôn giấy ủy quyền đã lập ngày 25/7/2017 để làm căn cứ vay vốn. Ngày 09/3/2020, Ngân hàng C2 giải ngân cho hộ gia đình bà S số tiền 70.000.000 đồng, việc sử dụng vốn vay đúng mục đích. Ngày 11/8/2020, bà Phạm Thị S chết đột tử, anh Nguyễn Văn T2 không đồng ý trả số nợ của bà S đã vay Ngân hàng CSXH với lý do anh không biết và không ký tên vào giấy ủy quyền ngày 25/7/2017. (*Bút lục số: 9-67; 74-78; 79-87; 113-143; 144-168*)

Cơ quan điều tra Công an huyện đã tiến hành thu mẫu chữ ký, chữ viết của anh Nguyễn Văn T2, bà Bùi Thị T và giấy ủy quyền ngày 25/7/2017 của Ngân hàng C2 để trưng cầu giám định. Tại Kết luận giám định số 422/KL-KTHS ngày 22 tháng 3 năm 2023 của Phòng K - Công an tỉnh N, kết luận: Chữ "Tuyên, Nguyễn Văn T2" dưới mục "BÊN ỦY QUYỀN" trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết đứng tên Bùi Thị T trên mẫu so sánh (Ký hiệu M1, M2, M3) là do cùng một người viết ra. (*Bút lục số: 73*)

Việc Bùi Thị T viết, ký tên thay anh Nguyễn Văn T2 trong Giấy ủy quyền ngày 25/7/2017, để giúp cho bà S đủ điều kiện vay vốn Ngân hàng C2 dẫn đến không có căn cứ pháp lý để xác định anh T2 có trách nhiệm trả các khoản nợ vay của hộ gia đình bà S với số tiền 82.000.000 đồng tiền gốc và 16.977.995 đồng tiền lãi tính đến ngày 22/5/2023. Bùi Thị T đã tự nguyện khắc phục hậu quả nộp cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C1 số tiền 98.977.995 đồng.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N, Bùi Thị T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 61/CT-VKS ngày 24/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng đã truy tố bị cáo Bùi Thị T về tội "Giả mạo trong công tác" theo điểm a khoản 1 Điều 359 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Bùi Thị T theo như tội danh và điều luật đã nêu. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị áp

dụng điểm a khoản 1 Điều 359; điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt Bùi Thị T từ 12 (mười hai) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù về tội "Giả mạo trong công tác" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 (hai mươi bốn) tháng đến 36 (ba mươi sáu) tháng; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; đề nghị áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để buộc bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

Đại diện ngân hàng C1 có ý kiến thể hiện: Bà Bùi Thị T đã khắc phục hậu quả, trực tiếp thanh toán hết cả gốc và lãi vay của hộ bà Phạm Thị S tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện C1, số tiền là 98.977.955 đồng vì vậy Ngân hàng không có yêu cầu gì về dân sự. Về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bà Bùi Thị T ở mức án nhẹ nhất để bà T được tiếp tục cống hiến cho xã hội.

Bị cáo Bùi Thị T thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và xin nhận được sự khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì vợ chồng bị cáo đang phải nuôi dưỡng mẹ chồng là vợ của Liệt sỹ đang bị đau ốm và bản thân chồng của bị cáo cũng đang đau ốm .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; người làm chứng không có khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về định tội danh: Lời khai nhận của bị cáo Bùi Thị T tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu đã được xác lập có trong hồ sơ vụ án cũng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng đã truy tố bị cáo ra trước phiên toà hôm nay. Như vậy đã đủ cơ sở xác định: Trong các năm 2017, 2020, Bùi Thị T là tổ trưởng Tổ tiết kiệm và vốn vay của thôn. Trong quá trình hướng dẫn bà Phạm Thị S, sinh năm 1970 ở cùng thôn kê khai, làm

thủ tục vay vốn Ngân hàng C2; do nể nang mối quan hệ hàng xóm nên đã viết, ký tên thay anh Nguyễn Văn T2 (con trai bà S) trong giấy ủy quyền lập ngày 25/7/2017, giúp cho hộ bà S đủ điều kiện, thủ tục vay vốn Ngân hàng số tiền 82.000.000 đồng. Hành vi của Bùi Thị T dẫn đến không có căn cứ pháp lý xác định anh Nguyễn Văn T2 có trách nhiệm trả 02 khoản nợ vay của hộ gia đình bà S làm ảnh hưởng đến lợi ích của Ngân hàng. Như vậy hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Giả mạo trong công tác" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 359 Bộ luật hình sự.

[3] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì thấy: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy: Bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả nộp cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C1 số tiền 98.977.995 đồng; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, Ngân hàng chính sách xã hội huyện C1 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bố mẹ đẻ của bị cáo là ông Bùi Công Đ bà Vũ Thị M đã tham gia quân đội và được Nhà nước tặng thưởng H2, Huy chương, bố chồng bị cáo là ông Vũ Xuân S1 là liệt sỹ nên nên bị cáo Bùi Thị T được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ theo quy định khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về mức án đối với bị cáo: Hành vi bị cáo đã thực hiện đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức; gây thiệt hại về kinh tế và làm ảnh hưởng đến uy tín cho cơ quan, tổ chức. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên việc đưa bị cáo ra xét xử công khai, lên án xử lý nghiêm là cần thiết nhằm góp phần vào việc đấu tranh phòng chống tội phạm. Tuy nhiên, xét nhân thân, mức độ phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thấy rằng: Bị cáo là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú cụ thể rõ ràng; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; ngoài hành vi phạm tội lần này không có hành vi phạm tội nào khác. Việc cho bị cáo được cải tạo tại địa phương không gây ảnh hưởng đến công cuộc đấu tranh, phòng chống tội phạm. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cải tạo tại địa phương cũng đủ răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường xong phần dân sự cho nguyên đơn dân sự là Ngân hàng chính sách và nguyên đơn dân sự không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên toà cho thấy bị cáo là người có điều kiện kinh tế còn khó khăn. Vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Đối với bà Vũ Thị H1 - Chủ tịch Hội Phụ nữ xã là người có trình ông Vũ Văn C - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N nhiệm kỳ 2015-2020 ký xác nhận vào giấy ủy quyền của anh T2 nhưng cả hai đều không biết được bà T ký giả chữ của anh T2. Bà H1 và ông C cũng không vụ lợi gì nên không xem xét xử lý bằng pháp luật là phù hợp.

[8] Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[9] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 359; điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào các Điều 135;136;331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Tuyên bố bị cáo Bùi Thị T phạm tội "Giả mạo trong công tác";

2. Xử phạt bị cáo Bùi Thị T 12 (mười hai) tháng từ nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án, ngày 19/9/2023.

Giao bị cáo Bùi Thị T cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định nơi cư trú của bị cáo giám sát giáo dục. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Toà án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Bùi Thị T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt bị cáo; vắng mặt đại diện theo uỷ quyền cuả Nguyên đơn dân sự. Báo cho bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15

ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án và người được thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Trần Trọng Ích

Nơi nhận:
- Bị cáo; Ngân hàng chính sách xã hội.
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Nghĩa Hưng;
- Chi cục Thi hành án huyện Nghĩa Hưng;
- UBND xã Nghĩa Bình;
- Án văn + lưu hồ sơ;
- Thi hành án phạt tù.